

SỞ NGOẠI VỤ

DÉPARTEMENT DES AFFAIRES ÉTRANGÈRES DE LA
PROVINCE DE LANG SON

Nâng cao giá trị

NÔNG LÂM SẢN LANG SƠN

Améliorer La Valeur Des Produits
Agricoles Et Forestiers De Lang Son





Mục lục

—Sommaire—

PHẦN I – TỈNH LẠNG SƠN VỚI TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NÔNG LÂM NGHIỆP <i>Première Partie – La Province De Lang Son, Une Province À Potentiel De Développement Agricole Et Forestier</i>	02
PHẦN II – CÁC NÔNG LÂM SẢN CHỦ LỰC <i>Deuxième Partie – Principaux Produits Agricoles Et Forestiers</i>	06
1. Cây Hồi/ L' anis	07
2. Cây Quế/ La Cannelle	08
3. Thạch Đen/ La Gelée noire	09
4. Cây Chè/ Le Thé	10
5. Cây Sô/ La Camélia	11
6. Quả Hồng (gồm hồng Vành Khuyên và hồng không hạt Bảo Lâm)/ Kaki (kaki Vành Khuyen et kaki Bao Lam sans pépins)	12
7. Quả Na/ La pomme canelle	13
8. Cây Keo/ L'acacia	14
9. Cây Bạch Đàn/ L'Eucalyptus	15
10. Cây Thông/ Le pin	16
PHẦN III – CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ NGÀNH NÔNG, LÂM NGHIỆP <i>Troisième Partie – Politiques D'incitation À L'investissement Dans L'agriculture Et La Foresterie</i>	18
Phương hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp <i>Orientation du développement de l'agriculture et de la foresterie</i>	28



Phần I – Première Partie

TỈNH LANG SƠN VỚI TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NÔNG LÂM NGHIỆP

*La Province De Lang Son, Une Province À Potentiel De
Développement Agricole Et Forestier*

Vị trí địa lý:

- ♦ Thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc, khu vực Đông Bắc Việt Nam.
- ♦ Cách Hà Nội 153km.
- ♦ Là điểm đầu tiên của Việt Nam trên hai tuyến hành lang kinh tế: Nam Ninh (Trung Quốc) – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng và Lạng Sơn – Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh – Mộc Bài (tham gia hành lang xuyên Á Nam Ninh – Singapore), là cửa ngõ quan trọng nối Trung Quốc và các nước ASEAN.
- ♦ Có 231,74 km đường biên giới tiếp giáp với Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc.

Diện tích tự nhiên: 8.310,18 km².

Dân số: khoảng hơn 814.000 người.

Situation géographique :

- ♦ Dans le Nord Est du Vietnam.
- ♦ À 153km de Hanoi.
- ♦ Premier point de rencontre de deux corridors économiques : Nanning (Chine) – Lang Son – Hanoi – Hai Phong et Lang Son – Hanoi – Ho Chi Minh-Ville – Moc Bai (corridor transasiatique Nanning – Singapour), Lang Son constitue une porte d'entrée importante reliant la Chine et les pays de l'ASEAN.
- ♦ 231,74 km de frontière avec la région autonome Zhuang du Guangxi, en Chine.

Superficie naturelle : 8,310.18 km².

Population : Environ plus de 814 000 personnes.

Diện tích/ Superficie naturelle

8,310.18 km²

Dân số/ Population

+814,000 người/personnes



Tiềm năng phát triển nông nghiệp:

- ♦ Diện tích đất nông nghiệp chiếm trên 80% tổng diện tích đất tự nhiên. Đất đai thổ nhưỡng khá màu mỡ, cùng với khí hậu á nhiệt đới, có điều kiện tốt để phát triển đa dạng, phong phú các loài cây trồng ôn đới, cận nhiệt đới và nhiệt đới. Đã phát triển và hình thành một số vùng sản xuất tập trung cho sản phẩm có giá trị kinh tế như: Vùng thông, vùng hồi, vùng chè, vùng thạch đen, vùng na, vùng hồng không hạt, quýt,...
- ♦ Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia: Gạo, chè, rau quả, sắn và sản phẩm của sắn, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm; gỗ và sản phẩm gỗ.
- ♦ Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh: Nhóm sản phẩm lâm nghiệp, dược liệu gồm: cây hồi; gỗ và sản phẩm chế biến từ gỗ, nhựa thông; quế, sô, chè, dược liệu và đào; Nhóm sản phẩm nông nghiệp bao gồm: Na, rau, ớt, khoai lang; đỗ tương, lạc, ngô; thạch đen; hồng (Vành Khuyên, Bảo Lâm); cây có múi (bưởi, cam, quýt).

Potentiel de développement agricole :

- ♦ Les terres agricoles représentent plus de 80 % de la superficie totale des terres naturelles. La fertilité des sols et son climat subtropical, offre des conditions favorables au développement d'une grande variété de cultures tempérées, subtropicales et tropicales. Plusieurs zones de production concentrée de produits à valeur économique ont été construites, notamment des plantations de pins, d'anis, de thé, de gelée noire, de pommes cannelle, de kakis sans pépins et de mandarines.
- ♦ Principaux groupes de produits nationaux : Riz, thé, légumes, manioc et produits dérivés du manioc, porc, viande de volaille et œufs ; bois et produits dérivés du bois.
- ♦ Principaux groupes de produits provinciaux : Produits forestiers et médicinaux : anis étoilé ; bois et produits dérivés du bois, résine de pin ; cannelle, cassia, thé, herbes médicinales et pêche ; Produits agricoles : Pomme cannelle, légumes, piment, patate douce, soja, arachide, maïs à gelée noire ; kaki (Vanh Khuyen, Bao Lam) ; agrumes (pamplemousse, orange, mandarine).





NGHIỆP

ENT AGRICOLE



CHÚ GIẢI - NOTES

- Ủy ban nhân dân tỉnh
Comité populaire provincial
- Biên giới quốc gia
Frontières nationales
- Địa giới hành chính cấp tỉnh
Limites administratives provinciales

- Đường cao tốc
Route à haute vitesse
- Quốc lộ
Route nationale
- Đường tỉnh
Route provinciale
- Đường huyện
Route communale
- Đường sắt
Route ferroviaire

- Ga đường sắt quốc gia
Gare ferroviaire nationale
- Ga đường sắt chuyên dùng
Gare ferroviaire spécifique
- Cửa khẩu
Porte frontière

- Rừng phòng hộ/ Forêt de protection
- Rừng sản xuất/ Forêt de production
- Rừng đặc dụng/ Forêts à usage spécial
- Vùng trồng trọt tập trung
Zones de culture concentrées
- Vùng trồng cây ăn quả/
Zone de culture fruitière
- Vùng nuôi trồng thủy sản/ Zone d'aquaculture
- Đất phi nông nghiệp/ Terres non agricoles
- Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung
Zones de production agricole concentrée

CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA RÉPUBLIQUE POPULAIRE DE CHINE

TỈNH THÁI NGUYÊN
PROVINCE THAI NGUYEN

TỈNH BẮC NINH
PROVINCE BAC NINH

TỈNH QUẢNG NINH
PROVINCE QUANG NINH

HÀ NỘI
HANOI

HIỆN TRẠNG VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG État actuel des zones de production agricole concentrée

STT Numero	Vùng sản xuất nông nghiệp Zone de production agricole	Sản phẩm chủ yếu Principaux produits
1	Khu vực Tràng Định/ Région de Trang Dinh	Lúa, khoai, thạch đen và cây ăn quả, quế Riz, pommes de terre, gelée noire et arbres fruitiers, cannelle
2	Khu vực Bình Gia/ Région de Binh Gia	Thạch đen, chè, cây ăn quả, thuốc lá nguyên liệu, quế Gelée noire, thé, arbres fruitiers, tabac brut, cannelle
3	Khu vực Cao Lộc/ Région de Cao Loc	Cây ăn quả, rau, thông, hồi Arbres fruitiers, légumes, pin, anis
4	Khu vực Lộc Bình/ Région de Loc Binh	Khoai, cây ăn quả/ Pommes de terre, arbres fruitiers
5	Khu vực Văn Lãng/ Région de Van Lang	Thạch đen, cây ăn quả, quế/ Gelée noire, arbre fruitier, cannelle
6	Khu vực Văn Quan/ Région de Van Quan	Lúa, cây ăn quả/ Riz, arbres fruitiers
7	Khu vực Bắc Sơn/ Région de Bac Son	Chè, cây ăn quả, thuốc lá nguyên liệu, quế Thé, arbres fruitiers, tabac brut, cannelle
8	Khu vực Hữu Lũng/ Région de Huu Lung	Lúa, cây ăn quả, hồi, thuốc lá nguyên liệu, keo & bạch đàn Riz, arbres fruitiers, anis, tabac brut, acacia, eucalyptus
9	Khu vực Chi Lăng/ Région de Chi Lang	Cây ăn quả, thuốc lá nguyên liệu, keo & bạch đàn Arbres fruitiers, tabac brut, acacia, eucalyptus
10	Khu vực Đình Lập/ Région de Dinh Lap	Chè, thông, keo & bạch đàn/ Thé, pin, acacia, eucalyptus
11	Khu vực thành phố Lạng Sơn (Cũ) Région de Ville de Lang Son (vieille)	Rau/ Légumes



Phần II - Deuxième Partie

CÁC NÔNG LÂM SẢN CHỦ LỰC

Principaux Produits Agricoles Et Forestiers



1. CÂY HỎI - L' anis

Diện tích trồng: 43.370 ha, chiếm khoảng 70% diện tích hồi cả nước. Trồng tập trung tại các xã: Yên Phúc, Tân Đoàn, Khánh Khê, Diêm He, Thiên Thuật, Bình Gia,...

Diện tích thu hoạch: 28.000 ha hồi đang cho thu hoạch ổn định.

Sản lượng hoa Hồi khô: 12.000 - 14.000 tấn/năm.

Đặc trưng: Hoa hồi Lạng Sơn có hàm lượng tinh dầu cao, trong tinh dầu không có độc tố.

Được chứng nhận bảo hộ Chỉ dẫn địa lý "Quả hồi và tinh dầu hồi Lạng Sơn" từ năm 2007 và được công nhận là top 10 đặc sản thiên nhiên tốt nhất của Việt Nam. Từ năm 2020 đến nay, được công nhận và bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Liên minh châu Âu (EU). Năm 2022, được hỗ trợ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản.

Chế biến: phơi hoặc sấy thành hồi khô, chế biến thành tinh dầu hồi, nguyên liệu trong y, dược, thực phẩm, mỹ phẩm, thức ăn chăn nuôi, thuốc phòng sâu bệnh, đặc biệt, là nguyên liệu chính để bào chế thuốc kháng virus cúm Tamiflu.

Tiêu thụ: đã xuất khẩu đi các thị trường Ấn Độ, Malaysia, Indonesia, Anh, Hoa Kỳ, Pháp, Nhật Bản, Đức, Dubai.

Superficie cultivée : 43 370 hectares (soit environ 70 % de la superficie de culture de l'anis dans tout le pays). La culture est concentrée dans les communes suivantes : Yen Phuc, Tan Doan, Khanh Khe, Diem He, Thien Thuat, Binh Gia...

Superficie récoltée : 28.000 hectares d'anis donnent une récolte stable.

Production d'anis séché : 12 000 à 14 000 tonnes/an.

Caractéristiques : L'anis de Lang Son a une teneur élevée en huile essentielle et sans produit toxique.

Certifiée l'indication géographique protégée " Anis étoilé et huile essentielle d'anis étoilé de Lang Son " depuis 2007, elle est reconnue comme l'une des 10 meilleures spécialités naturelles du Vietnam. Depuis 2020, elle est également reconnue et protégée en tant qu'indication géographique au sein de l'Union européenne (UE). En 2022, enregistrement de l'indication géographique protégée au Japon.

Transformation : l'anis étoilé séché est transformé en huile essentielle, matière première en médecine, produits pharmaceutiques, alimentation, cosmétiques, alimentation animale, pesticides 10101010, et notamment, c'est aussi l'ingrédient principal pour préparer le médicament antiviral Tamiflu.

Consommation : Exporté vers des marchés tels que l'Inde, la Malaisie, l'Indonésie, le Royaume-Uni, les États-Unis, la France, le Japon, l'Allemagne et Dubaï.



Rừng hồi xã Yên Phúc/ Forêt d'anis dans la commune de Yen Phuc

2. CÂY QUẾ - La Cannelle

Diện tích trồng: Hơn 11.000ha. Trồng tập trung tại các xã: Tân Tiến, Đoàn Kết, Tràng Định, Tân Tri, Thiện Long, Quý Hòa, Hoa Thám.

Sản lượng vỏ quế: 1.000 - 1.200 tấn/năm.

Đặc trưng: Vỏ quế Lạng Sơn có mùi rất thơm, vị cay đặc biệt.

Chế biến: Vỏ quế khô, tinh dầu quế, nguyên liệu cho gia vị, dược liệu, chăm sóc sắc đẹp, thực phẩm chức năng; đồ thủ công mỹ nghệ,...

Tiêu thụ: Sản phẩm vỏ quế khô của tỉnh ngoài tiêu thụ nội địa còn được xuất khẩu đi các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Bangladesh,...



Rừng quế xã Tân Tiến/ Forêt de cannelle dans la commune de Tan Tien



Superficie plantée : Plus de 11 000 hectares. Plantation concentrée dans les communes suivantes : Tan Tien, Doan Ket, Trang Dinh, Tan Tri, Thien Long, Quy Hoa, Hoa Tham.

Production d'écorce de cannelle : 1.000 à 1.200 tonnes/an

Caractéristiques : L'écorce de cannelle de Lang Son possède un parfum très agréable et un goût épicé particulier.

Transformation : Écorce de cannelle séchée, huile essentielle de cannelle, matières premières pour épices, plantes médicinales, produits de soins de beauté, aliments fonctionnels, produit d'artisanat, etc.

Marché de consommation : Outre la consommation intérieure, les produits d'écorce de cannelle séchée sont également exportés vers la Chine, l'Inde, les États-Unis, le Bangladesh, etc.





3. THẠCH ĐEN - Gelée noire

Diện tích trồng: 1.021 ha. Trồng tập trung tại các xã: Tân Tiến, Tràng Định, Đoàn Kết, Quý Hoà, Hồng Phong, Thiện Hoà, Hội Hoan.

Sản lượng: 5.572 tấn.

Đặc trưng: Có mùi thơm đặc trưng và vị giòn, dai, tách nước ít; là một tân dược chống oxy hóa, giảm cholesterol trong máu, có tính mát, giúp mát gan, thanh nhiệt, nhuận tràng, trị cảm mạo, hỗ trợ người bị tiểu đường, ổn định huyết áp, chống lão hóa...

Chế biến tiêu thụ: 3 dạng chính là cây thạch đen khô xuất khẩu sang Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Hàn Quốc...; Tinh bột thạch được liên kết sản xuất với đối tác Đài Loan (Trung Quốc); Thạch ăn liền chủ yếu tiêu thụ tại thị trường trong nước.



Nhà máy sản xuất thạch đen của
Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư xuất nhập khẩu Đức Quý
Usine de gelée noire de la société d'import - export Duc Quý

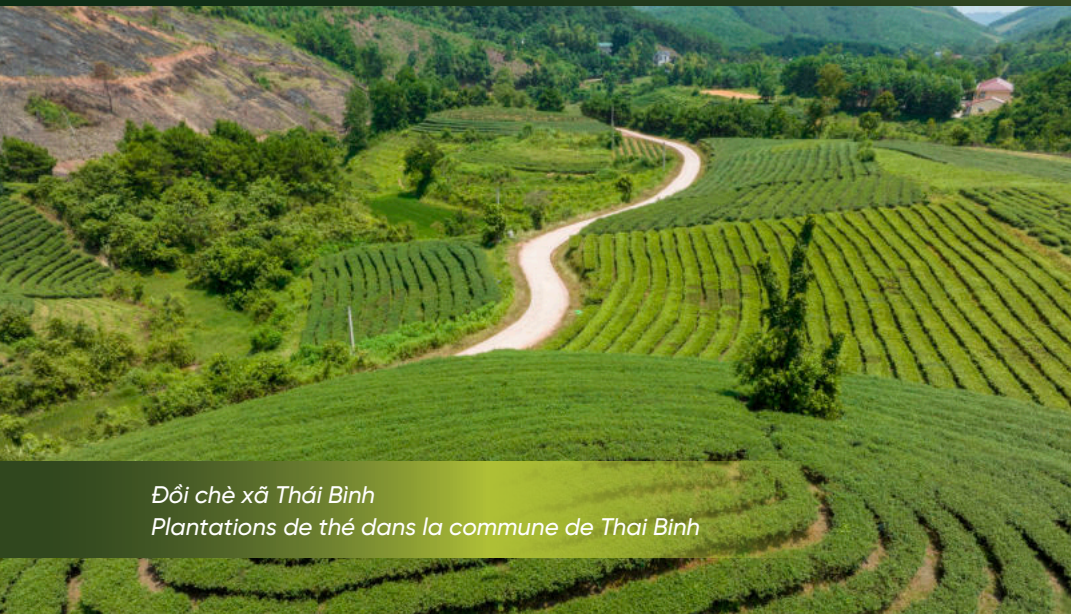
Superficie de plantation : 1,02ha. Plantation concentrée dans les communes : Tan Tien, Trang Dinh, Doan Ket, Quy Hoa, Hong Phong, Thien Hoa, Hoi Hoan.

Production : 5,572 tonnes.

Caractéristiques : Arôme typique, goût croquant et moelleux, peu d'eau ; c'est un médicament antioxydant qui contribue à réduire le cholestérol sanguin, aide à rafraîchir le foie, élimine la chaleur,

traite le rhume, utile pour les personnes diabétiques, stabilise la tension artérielle avec des propriétés anti-âge...

Transformation - Consommation : 3 formes principales sont la gelée noire séchée exportée vers la Chine, la Thaïlande, la Malaisie, la Corée,... ; Amidon de tapioca produit en association avec un partenaire de Taiwan (Chine) ; la gelée prête à consommer sur le marché intérieur.



Đồi chè xã Thái Bình
Plantations de thé dans la commune de Thai Binh



Hái chè Shan Tuyết trên đỉnh núi Mẫu Sơn
Cueillette du thé Shan Tuyet au sommet du mont Mau Son

4. CÂY CHÈ - Le thé

Diện tích trồng: 408 ha. Trồng tập trung tại các xã: Thái Bình, Đình Lập, Bình Gia.

Diện tích cho sản phẩm: 394 ha.

Sản lượng: 2.236 tấn.

Đặc trưng: Có mùi thơm mát tự nhiên của lá chè tươi, vị ngọt thanh, không gắt, tạo cảm giác dễ chịu khi thưởng thức.

Chế biến - Tiêu thụ: Được thu hái, chế biến thành sản phẩm chè khô phục vụ tiêu thụ nội địa, ngoài ra còn được xuất khẩu sang một số thị trường nước ngoài như Đài Loan, Nga, Trung Quốc.

Cultivated area : 408 hectares. Plantation concentrée dans les communes : Thai Binh, Dinh Lap, Binh Gia.

Superficie des produits : 394 ha.

Production : 2,236 tons.

Caractéristiques : Bon arôme naturel de feuilles de thé fraîches, un goût doux et subtil, pour une dégustation agréable.

Transformation - Consommation : Récolté et transformé en thé sec pour la consommation intérieure, et également exporté vers certains marchés étrangers tels que la Russie et la Chine.



Sản xuất chè tại xưởng sản xuất chè Đình Lập
Production de thé à l'usine de thé de Dinh Lap



5. CÂY SỎ - Le Camélia

Diện tích trồng: Khoảng 1.700 ha. Trồng tập trung ở các xã, phường: Đông Kinh, Ba Sơn, Thiện Hòa, Thiện Thuật.

Diện tích cho thu hoạch: Trên 1.100 ha.

Sản lượng hạt Sỏ: 6.000 tấn/năm.

Chế biến - Tiêu thụ: Chủ yếu được thu hái quả và bán trực tiếp hoặc sơ chế, phơi, sấy khô hạt để tinh chế dầu sỏ. Trong đó, dầu sỏ là sản phẩm có giá trị cao.

Superficie plantée : Environ 1 700 hectares. Les plantations sont concentrées dans les communes et les quartiers de Dong Kinh, Ba Son, Thien Hoa, Thien Thuat.

Superficie récoltée : Plus de 1 100 hectares.

Production de semences : 6 000 tonnes/an.

Transformation et consommation : Les fruits sont principalement récoltés et vendus directement ou prétraités (séchage et torréfaction des graines) pour obtenir l'huile de v camelia, un produit à haute valeur ajoutée.



6. QUẢ HỒNG (HỒNG VÀNH KHUYÊN VÀ HỒNG KHÔNG HẠT BẢO LÂM)

Kaki (kaki Vanh Khuyen et kaki Bao Lam sans pépins)

Diện tích trồng: 2.189 ha. Trồng tập trung tại các xã: Hoàng Văn Thụ, Na Sầm, Đồng Đăng, Công Sơn.

Diện tích cho sản phẩm: 1.566 ha.

Sản lượng: 12.325 tấn.

Đặc trưng: Thịt quả màu vàng, giòn, vị ngọt.

Quả Hồng Bảo Lâm năm 2012 đã được cấp Bảo hộ Chỉ dẫn địa lý "Hồng Bảo Lâm Cao Lộc". Quả Hồng Vành Khuyên năm 2015 được cấp Bảo hộ Nhãn hiện tập thể "Quả Hồng Vành Khuyên Văn Lãng", được sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn (VietGAP, GlobalGAP).

Tiêu thụ: Chủ yếu quả tươi được tiêu thụ tại thị trường trong tỉnh, Hà Nội và một số tỉnh lân cận.

Chế biến: Treo gió, sấy khô, sấy dẻo.



Superficie de plantation : 2189 hectares. Plantation concentrée dans les communes : Hoang Van Thu, Na Sam, Dong Dang, Cong Son.

Superficie du produit : 1 566 hectares.

Production : 12,325 tons.

Caractéristiques : La chair du kaki est jaune, croquante et sucrée.

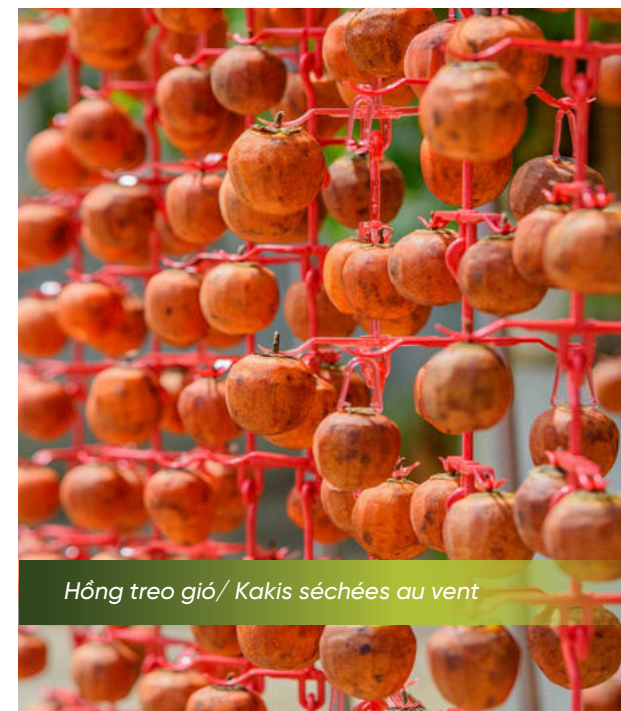
Les kakis Bao Lam ont obtenu l'indication géographique protégée "Kaki Bao Lam Cao Loc" en 2012. Les kakis Vanh Khuyen ont été certifiés l'indication de marque collective protégée "kaki Vanh Khuyen Van Lang" en 2015, produits conformément aux normes de sécurité (VietGAP, GlobalGAP).

Consommation : Les fruits frais sont principalement consommés sur le marché provincial, à Hanoi et dans certaines provinces voisines.

Traitement : Séchage au vent, séchage et séchage doux.



Hồng không hạt Bảo Lâm/ Kaki sans pépins Bao Lam



Hồng treo gió/ Kakis séchées au vent

7. QUẢ NA - La Pomme cannelle

Diện tích trồng: 4.587,28 ha. Trồng tập trung tại các xã: Chi Lăng, Cai Kinh, Bằng Mạc, Vạn Linh, Hữu Lũng, Văn Nham.

Diện tích cho sản phẩm: 3.979 ha.

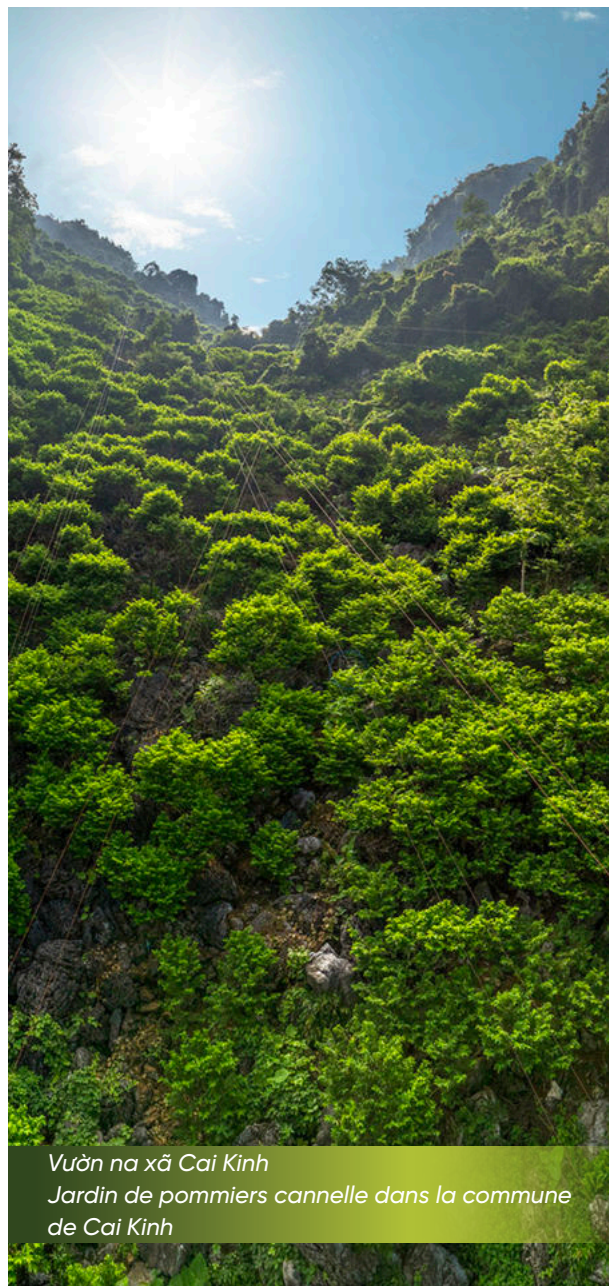
Sản lượng: 41.116 tấn.

Đặc trưng: Quả na to đều, vỏ mỏng mềm, mắt nở và phẳng, da căng mịn, kẽ mắt trắng hồng, cùi dày, ít hạt, ngọt thanh, thơm đặc trưng, để được lâu, không dễ nát, dễ bóc vỏ, khi ăn có cảm giác các múi dai.

Tiêu thụ: Chủ yếu quả tươi được tiêu thụ tại thị trường trong tỉnh và một số tỉnh lân cận. Hiện đang đẩy mạnh tiêu thụ qua các kênh bán hàng online, sàn thương mại điện tử.



Vận chuyển na bằng ròng rọc
Transport de pommes cannelle par poulie



Vườn na xã Cai Kinh
Jardin de pommiers cannelle dans la commune de Cai Kinh



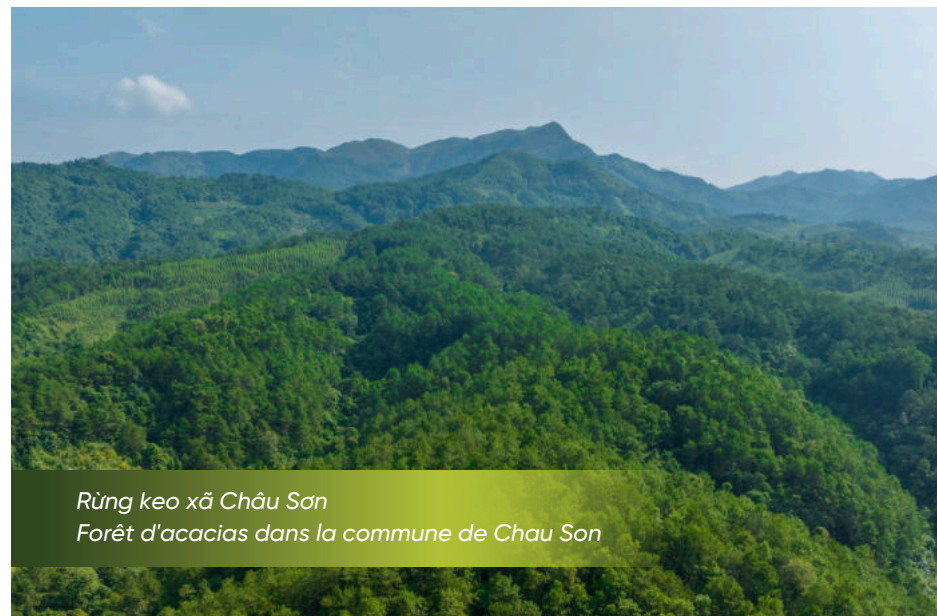
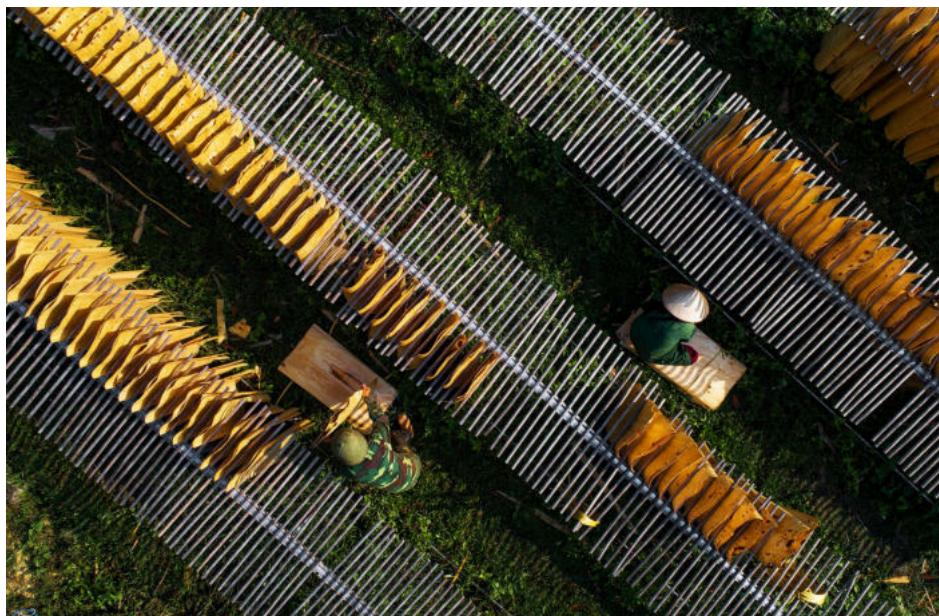
Superficie de plantation : 4.587,28 hectares.
Plantation concentrée dans les communes : Chi Lang, Cai Kinh, Bang Mac, Van Linh, Huu Lung, Van Nham.

Superficie du produit : 3,979 hectares.

Production : 41,116 tonnes.

Caractéristiques : Les pommes cannelle sont grosses, avec peau fine et douce, chair épaisse, peu de pépins, sucrées, bon odeur, segments moelleux. Elles se conservent longtemps, ne s'écrasent pas facilement, s'épluchent facilement.

Consommation : Les fruits frais sont principalement consommés sur le marché provincial et dans certaines provinces voisines. Actuellement, leur consommation est encouragée par le biais des canaux de vente en ligne et des plateformes de commerce électronique.



Rừng keo xã Châu Sơn
Forêt d'acacias dans la commune de Chau Son

8. CÂY KEO - L' Acacia

Diện tích trồng: Khoảng 39.000 ha. Trồng tập trung tại các xã: Tân Thành, Tuấn Sơn, Vân Nham, Quan Sơn, Nhân Lý, Chi Lăng, Lợi Bắc,...

Năng suất gỗ keo: Bình quân khoảng 80-100 m³/ha.

Sản lượng gỗ keo: Khoảng 130.000 m³.

Chế biến – Tiêu thụ: Gỗ keo được sử dụng để sản xuất ván lạng, gỗ ván bóc, ván ép, đồ thủ công mỹ nghệ,... phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu.

Superficie plantée : Environ 39 000 hectares. Plantation concentrée dans les communes suivantes : Tan Thanh, Tuan Son, Van Nham, Quan Son, Nhan Ly, Chi Lang, Loi Bac...

Rendement en bois d'acacia : En moyenne environ 80 - 100 m³/ha.

Production de bois d'acacia : Environ 130 000 m³.

Transformation – Consommation : Le bois d'acacia est utilisé pour produire du placage, du bois écorcé, du contreplaqué, des objets artisanaux... destinés aux marchés nationaux et étrangers.



9. CÂY BẠCH ĐÀN - L' Eucalyptus

Diện tích trồng: 29.700 ha. Trồng tập trung tại các xã: Tân Thành, Tuấn Sơn, Văn Nham, Thiện Tân, Quan Sơn, Nhân Lý, Chi Lăng...

Năng suất gỗ bạch đàn: Khoảng 80-100 m³/ha.

Sản lượng khai thác: 152.700 m³.

Đặc trưng: Cây bạch đàn có ưu điểm là lớn nhanh, chỉ trong chu kỳ từ 5 – 6 năm đã có thể khai thác, giá thành cao, đầu ra ổn định.

Chế biến - Tiêu thụ: Gỗ bạch đàn cũng được sử dụng để sản xuất ván lạng, gỗ ván bóc, là nguyên liệu sản xuất ván ép, đồ thủ công mỹ nghệ,... phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu.

Superficie de plantation : 29 700 hectares. *Plantation concentrée dans les communes : Tan Thanh, Tuan Son, Van Nham, Thien Tan, Quan Son, Nhan Ly, Chi Lang,...*

Rendement en bois d'eucalyptus : Environ 80-100 m³/ ha.

Production : 152,700 m³.

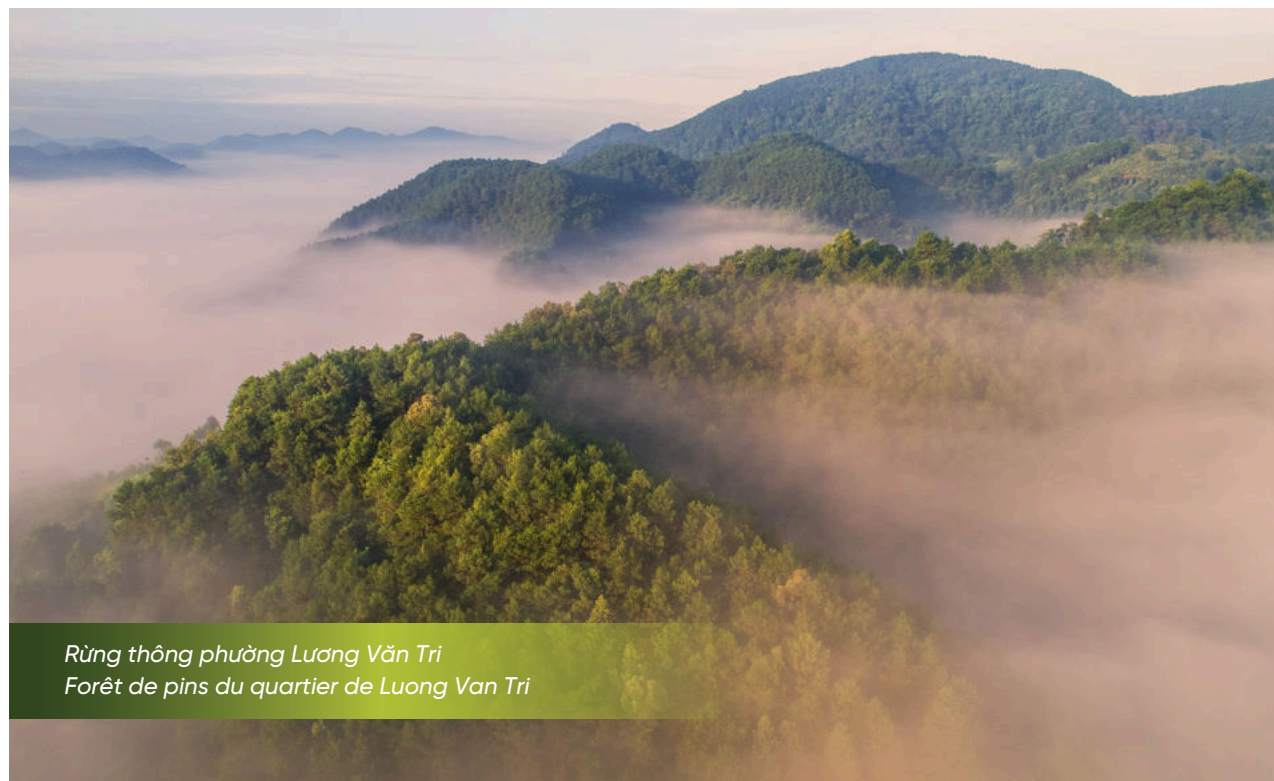
Caractéristiques : Les eucalyptus ont l'avantage de pousser rapidement, peuvent être exploités en seulement 5 à 6 ans à coût élevé et avec production stable.

Transformation - Consommation : Le bois d'eucalyptus est également utilisé pour produire du placage, du bois écorcé, du contreplaqué, des objets artisanaux... pour le marché intérieur et l'exportation.



Rừng bạch đàn xã Quan Sơn
Forêt d'eucalyptus dans la commune de Quan Son





Rừng thông phường Lương Văn Tri
Forêt de pins du quartier de Luong Van Tri



Rừng thông xã Kiên Mộc
Forêt de pins dans la commune Kien Moc



Sản phẩm nhựa thông tinh chế
Produits de colophane raffinés

10. CÂY THÔNG - Le pin

Diện tích trồng: 109.300 ha. Trồng tập trung tại các xã: Đình Lập, Kiên Mộc, Xuân Dương, Thống Nhất, Lợi Bắc, Mẫu Sơn.

Năng suất gỗ thông bình quân: 100 - 120 m³/ha.

Sản lượng nhựa thông: 40.000 - 45.000 tấn/năm.

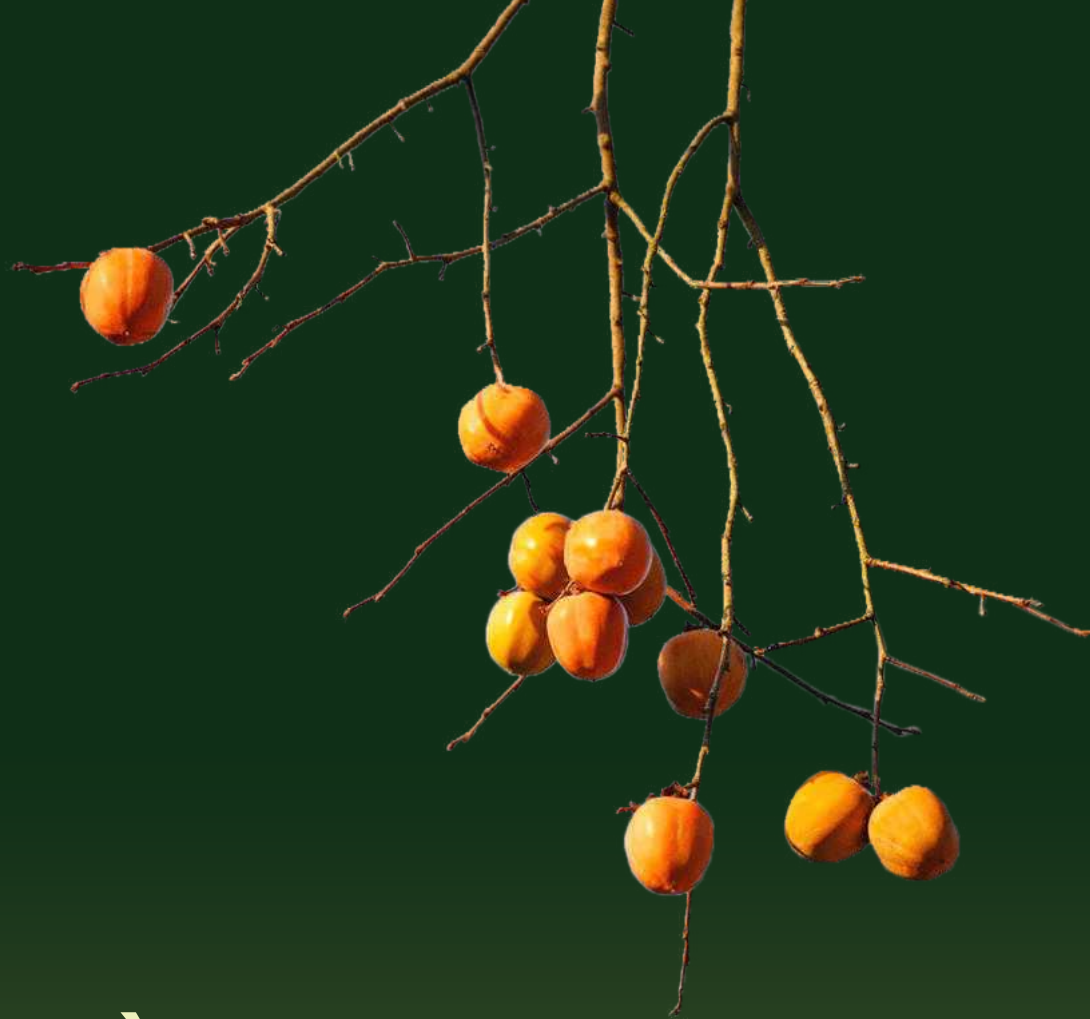
Chế biến - tiêu thụ: Cây thông cho khai thác lấy gỗ và nhựa. Nhựa thông được tinh chế thành colophan (chiếm khoảng 70 - 80%) và tinh dầu thông (khoảng 10%). Hằng năm, trung bình 20.000 - 25.000 tấn sản phẩm colophan, 3 - 3,5 tấn tinh dầu thông đạt tiêu chuẩn kỹ thuật được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ.

Superficie plantée : 109 300 hectares. Plantation concentrée dans les communes suivantes : Dinh Lap, Kien Moc, Xuan Duong, Thong Nhat, Loi Bac, Mau Son.

Rendement moyen en bois de pin : 100 - 120 m³/ ha.

Production de résine : 40,000 - 45,000 tonnes/ an.

Transformation et consommation : Les pins sont exploités pour leur bois et leur résine. La résine de pin est raffinée en colophane (70 à 80 %) et en huile essentielle de pin (environ 10 %). Chaque année, en moyenne 20 000 à 25 000 tonnes de produits en colophane et 3 à 3,5 tonnes d'huile essentielle de pin, conformes aux normes techniques, sont exportées vers la Chine, la Corée, le Japon et l'Inde.



Phần III - Troisième Partie

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ NGÀNH NÔNG, LÂM NGHIỆP

*Politiques D'incitation À L'investissement Dans
L'agriculture Et La Foresterie*

CHÍNH SÁCH CHUNG

POLITIQUE GÉNÉRALE

Chính sách chung theo quy định của pháp luật Việt Nam:

- ♦ Ưu đãi đất đai: Miễn, giảm tiền thuê đất theo Luật Đất đai và Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

Politiques générales conformément aux dispositions de la loi vietnamienne :

- ♦ Incitations foncières : Exonération et réduction du loyer foncier conformément à la loi foncière et au décret 103/2024/NĐ-CP.

Cơ chế thưởng cho các chủ thể tham gia Chương trình OCOP có sản phẩm được đánh giá, phân hạng sản phẩm:

- Sản phẩm đạt hạng 5 sao: Thưởng 20 triệu đồng/sản phẩm.
- Sản phẩm đạt hạng 4 sao: Thưởng 10 triệu đồng/sản phẩm.
- Sản phẩm đạt hạng 3 sao: Thưởng 05 triệu đồng/sản phẩm.

Mécanisme de récompense en faveur des participants au programme OCOP dont les produits sont évalués et classés :

- Produits classés 5 étoiles : Récompense de 20 millions de VND par produit.
- Produits classés 4 étoiles : Récompense de 10 millions de VND par produit.
- Produits classés 3 étoiles : Récompense de 05 millions de VND par produit



CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ POLITIQUES SPÉCIALES

Một số chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025:

- ✓ Hỗ trợ lãi suất tín dụng.
- ✓ Hỗ trợ 100% lãi suất trong hạn mức vốn vay các ngân hàng cho Nhà đầu tư có dự án đầu tư trong danh mục dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, mức hỗ trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng/dự án.
- ✓ Hỗ trợ 50% lãi suất trong hạn mức vốn vay các ngân hàng cho Nhà đầu tư có dự án đầu tư trong danh mục dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.
- ✓ Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân vốn vay theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng, đồng thời căn cứ vào thời hạn hợp đồng tín dụng giữa khách hàng và ngân hàng nhưng tối đa không quá 05 năm đối với dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm; Không quá 07 năm đối với dự án trồng cây lâm nghiệp kinh doanh lấy gỗ nguyên liệu; Không quá 10 năm đối với dự án trồng cây ăn quả, cây đặc sản; Không quá 12 năm đối với dự án trồng cây gỗ lớn; Không quá 03 năm đối với dự án đầu tư vào nông nghiệp khác.
- ✓ Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

Quelques politiques spécifiques visant à encourager l'investissement, à développer la coopération et à lier la production et la consommation de produits agricoles et ruraux dans la province de Lang Son au cours de la période 2020 - 2025 :

- ✓ Aide aux intérêts de crédit.
- ✓ Subvention de 100 % du taux d'intérêt des prêts bancaires en faveur des investisseurs dont les projets agricoles figurent sur la liste des projets bénéficiant d'incitations spéciales. Le montant maximal de cette prise en charge est de 5 milliards de VND par projet.

- ✓ Subvention de 50 % du taux d'intérêt des prêts bancaires en faveur des investisseurs dont les projets agricoles figurent sur la liste des projets bénéficiant d'incitations spéciales. Le montant maximal de cette prise en charge est de 3 milliards de VND par projet.
- ✓ La période de soutien du taux d'intérêt est calculée à partir de la date de décaissement du prêt conformément au contrat de crédit avec la banque, basée sur la durée du contrat entre le client et la banque, sans excéder 5 ans pour les projets d'élevage de bétail et de volaille ; 7 ans pour les projets de plantation d'arbres forestiers à but commercial ; 10 ans pour les projets de plantation de grands arbres d'œuvre ; 12 ans pour les projets d'investissement agricole.
- ✓ Plafond du prêt doté de soutien d'intérêts : Ne pas dépasser 70 % de l'investissement total du projet.

ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ / CONDITIONS DE SOUTIEN



Dự án có hạn mức vốn vay ngân hàng từ 200 triệu đồng trở lên.
Le projet avec limite de prêt bancaire de plus de 200 millions de VND.



Sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận với tổ chức tín dụng.
Usage du capital de manière judicieuse et remboursement financier conforme à l'accord conclu avec l'établissement de crédit.



Dự án đề nghị được hỗ trợ là dự án chưa được hỗ trợ lãi suất từ các chính sách khác.
Le projet visé par ce soutien ne doit pas bénéficier d'un soutien de taux d'intérêt dans le cadre d'autres politiques.

HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, SẢN XUẤT SẢN PHẨM MỚI CÓ GIÁ TRỊ KINH TẾ CAO, SẢN XUẤT HÀNG HÓA TẬP TRUNG

Soutenir l'agriculture de haute technologie, la production de nouveaux produits à forte valeur économique et la production concentrée.

Mức hỗ trợ:

- ✓ Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp) được hỗ trợ 300 triệu đồng/ha để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án.
- ✓ Nhà đầu tư có dự án sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, trồng thử nghiệm cây trồng mới có giá trị kinh tế cao (theo các quyết định công nhận giống cây trồng, vật nuôi mới hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường), khi đưa vào sản xuất trong cùng điều kiện sản xuất mà có năng suất, chất lượng cao, mang lại thu nhập cao hơn so với cây trồng, vật nuôi khác trên cùng địa bàn được hỗ trợ 70% kinh phí đầu tư, nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án, để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường.
- ✓ Nhà đầu tư có dự án đầu tư sản xuất hàng hóa tập trung thuộc dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được hỗ trợ 50% tổng vốn đầu tư nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án; Thuộc dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư được hỗ trợ 40% tổng vốn đầu tư nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường.

Subvention :

- ✓ Les investisseurs ayant des projets agricoles de haute technologie (conformément à la décision n° 738/QĐ-BNN-KHCN du 14 mars 2017 du ministère de l'Agriculture et du Développement rural relative aux critères de détermination des programmes et projets agricoles de haute technologie, de l'agriculture propre et de la liste des hautes technologies appliquées à l'agriculture) bénéficient d'un soutien de 300 millions de VND/ha pour la construction d'infrastructures, d'équipements et le traitement environnemental, sans toutefois dépasser 2 milliards de VND/ projet.
- ✓ Au cas où des projets qui visent à produire des variétés végétales et animales à haute valeur économique (conformément aux décisions annuelles du ministère de l'Agriculture et du Développement rural relatives à la reconnaissance de nouvelles variétés végétales et races animales) présentent donc une productivité et une qualité élevées et génèrent des revenus supérieurs à ceux des autres plantes et animaux de la même zone, les investisseurs bénéficieront d'une aide à hauteur de 70 % du coût d'investissement, dans la limite de 3 milliards de VND par projet, pour la construction des infrastructures, l'acquisition des équipements et la gestion de l'environnement.
- ✓ Les investisseurs dont les projets appartenant à la catégorie de ceux bénéficiant d'incitations spéciales obtiennent une subvention à hauteur de 50% du capital d'investissement total, sans toutefois dépasser 5 milliards de VND par projet ; un soutien à hauteur de 40 % du capital d'investissement total, sans toutefois dépasser 3 milliards de VND par projet, pour construire des infrastructures, installer des équipements et le système de traitement environnemental.

Ứng dụng công nghệ cao/ Application de technologies de pointe

300 TRIỆU/HA

300 MILLIONS/HA

TỐI ĐA 2 TỶ/ LAFOND 2 MILLIARDS



Sản xuất giống mới/ Production de nouvelles variétés

70% KINH PHÍ

70 % DES COÛTS

TỐI ĐA 3 TỶ/ PLAFOND 3 MILLIARDS.

Đặc biệt ưu đãi/ Incitation spéciale

50% VỐN

50 % DU CAPITAL

TỐI ĐA 5 TỶ/ PLAFOND 5 MILLIARDS



Hàng hóa tập trung/ Produits concentrés

40% VỐN

40 % DU CAPITAL

TỐI ĐA 3 TỶ/ PLAFOND 3 MILLIARDS



Điều kiện hỗ trợ:

- ♦ Vườn ươm sản xuất giống cây trồng có quy mô từ 1 triệu cây/năm trở lên; vườn ươm giống cây bằng công nghệ nuôi cấy mô tập trung từ 500 nghìn cây/năm trở lên; vườn ươm cây dược liệu từ 1.000 m² trở lên.
- ♦ Dự án trồng cây hằng năm từ 02 ha trở lên, nếu trồng trong nhà kính, nhà màng, nhà lưới có quy mô từ 1.000 m² trở lên; cây công nghiệp dài ngày, cây lâu năm, trồng rừng các loại cây nhóm I, nhóm II, cây gỗ lớn từ 03 ha trở lên; trồng rừng sản xuất từ 05 ha trở lên; trồng cây dược liệu từ 01 ha trở lên.
- ♦ Nhà máy sản xuất gỗ MDF; nhà máy chế biến ván dăm, tre ép công nghiệp có quy mô trên 10.000 m³/năm trở lên. Thiết bị được sản xuất tại các nước phát triển; trường hợp sản xuất tại các nước đang phát triển thì thiết bị phải mới 100%; Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 50% nguyên liệu tại địa phương.

SẢN XUẤT CÂY TRỒNG VÀ DƯỢC LIỆU - PRODUCTION AGRICOLE VÉGÉTALE ET DE PLANTES MÉDICINALES	
Vườn ươm cây giống/ Pépinière de plants	1 triệu cây/năm trở lên - Au moins 1 million de plants par an
Vườn ươm cấy mô/ Pépinière de culture in vitro	500.000 cây/năm trở lên - Au moins 500 000 plants par an
Vườn ươm dược liệu/ Pépinière de plantes médicinales	1.000 m ² trở lên - À partir de 1 000 m ²
Cây hằng năm (Lộ thiên)/ Cultures annuelles (en plein champ)	02 ha trở lên - À partir de 02 ha
Cây hằng năm (Nhà kính, màng, lưới)/ Cultures industrielles et pérennes; plantations forestières (groupes I, II, bois de gros diamètre)	1.000 m ² trở lên - À partir de 1 000 m ²
Cây công nghiệp, lâu năm, trồng rừng cây nhóm I, II, gỗ lớn/ Cultures industrielles et pérennes; plantations forestières (groupes I, II, bois de gros diamètre)	03 ha trở lên - À partir de 03 ha
Trồng rừng sản xuất/ Plantation forestière de production	05 ha trở lên - À partir de 05 ha
Trồng cây dược liệu/ Culture de plantes médicinales	01 ha trở lên - À partir de 01 ha

CHẾ BIẾN GỖ VÀ VẬT LIỆU - TRANSFORMATION DU BOIS ET DES MATÉRIAUX

Nhà máy Sản xuất Gỗ MDF/
Chế Biến Ván Dăm, Tre Ép

Usine de production de panneaux MDF/
Transformation de panneaux stratifiés
et de bambou pressé

- Thiết bị phải được sản xuất tại các nước phát triển hoặc các nước đang phát triển (mới 100%).
- Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 50% nguyên liệu tại địa phương.
- Les équipements doivent être fabriqués dans des pays développés ou des pays en développement (neufs à 100 %).
- L'investisseur doit utiliser au minimum 50 % de matières premières locales.

Conditions de soutien :

- ♦ Pépinières produisant des variétés végétales à l'échelle de plus d'un million de jeunes plants par an ; pépinières utilisant la technologie de culture in vitro concentrée à l'échelle de plus de 500 000 plants par an ; pépinières de plantes médicinales d'une superficie de plus de 1 000 m².
- ♦ Les projets de plantation d'arbres annuels doivent se faire sur une superficie de plus de 2 hectares, 1 000 m² pour la plantation réalisée sous serres, tunnels ou filets ; plus de 3 hectares pour la plantation d'arbres industriels à long terme, d'arbres vivaces, de reboisement d'arbres des groupes I et II, et plantation de grands arbres d'œuvre ; plus de 5 hectares pour la plantation de forêts de production ; plus de 1 hectares pour les plantes médicinales.
- ♦ Usine de fabrication de bois MDF, usine de transformation d'autres bois industriels d'une capacité d'au moins 10 000 m³/ an. Les équipements sont fabriqués dans des pays développés; en cas de fabrication dans des pays en développement, les équipements doivent être neufs à 100 %. Les investisseurs doivent utiliser au moins 50 % de matériaux locaux.



HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ: BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN NÔNG LÂM SẢN

Soutien aux investissements dans les infrastructures : conservation et transformation des produits agricoles et forestiers ; abattage du bétail et de la volaille

Hỗ trợ cơ sở chế biến nông sản:

- ◆ Hỗ trợ 60% chi phí đầu tư cơ sở chế biến nông sản, nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.
- ◆ Các dự án đầu tư chế biến nông sản phải bảo đảm các điều kiện giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu (căn cứ theo giá thị trường tại thời điểm nghiệm thu dự án) và công suất thiết kế của dây chuyền, thiết bị, máy móc chế biến nông sản tối thiểu đạt 03 tấn/ngày.

Subventions aux établissements de transformation agricole :

- ◆ Soutenir 60 % des coûts d'investissement, mais pas plus de 5 milliards de VND/projet pour la construction d'infrastructures de traitement des déchets, de transport, d'électricité, d'eau, d'usines et l'achat d'équipements à l'intérieur du périmètre du projet.
- ◆ Les projets d'investissement dans la transformation agricole doivent garantir que la valeur des produits transformés augmente d'au moins 1,5 fois par rapport à la valeur des matières premières initiales (sur la base des prix du marché au moment de l'adoption du projet) et que la capacité de conception des lignes, équipements et machines de transformation agricole atteigne au moins 3 tonnes/ jour.



Hỗ trợ đầu tư/ Soutien à l'investissement couvrant

60% CHI PHÍ/ 60 % DES COÛTS

(Tối đa 5 Tỷ đồng/dự án) - (Plafond de 5 milliards de dongs par projet)



02

Chế biến nông sản/ Transformation agricole

≥ 1,5 LẦN Tăng giá trị sản phẩm
≥ 1,5 FOIS LA VALEUR DES PRODUITS





HỖ TRỢ BẢO QUẢN NÔNG SẢN

Soutien à la préservation des produits agricoles

Thông tin chi tiết gói hỗ trợ:

- ◆ Hỗ trợ 70% chi phí đầu tư cơ sở bảo quản nông sản, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị.
- ◆ Điều kiện hỗ trợ: Công suất cơ sở sấy nông, lâm sản phải đạt tối thiểu 30 tấn sản phẩm/lượt; bảo quản rau, củ, hoa quả tươi, chè, hồi, thuốc lá, các loại nông sản khác đạt 200 tấn khô/lượt; bảo quản, lưu trữ giống cây trồng đạt công suất 30 tấn khô/lượt.

Soutien à la préservation des produits agricoles :

- ◆ Soutenir 70 % des coûts d'investissement, mais pas plus de 2 milliards de VND/projet pour la construction d'infrastructures de transport, d'électricité, d'eau, de traitement des déchets, d'usines et l'achat d'équipements.
- ◆ Conditions d'aide : La capacité de l'installation de séchage agricole et forestier doit atteindre au moins 30 tonnes de produits par période ; la capacité de stockage des légumes, tubercules, fruits frais, thé, anis, tabac et autres produits agricoles doit atteindre 200 tonnes par période ; la capacité de stockage des variétés végétales doit atteindre 30 tonnes par période.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU, MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

Soutenir le développement de la marque et l'expansion du marché

Thông tin chi tiết gói hỗ trợ:

- ◆ Hỗ trợ một lần 100% kinh phí để xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.
- ◆ Hỗ trợ một lần 100% kinh phí xây dựng nhãn hiệu sản phẩm; nhãn hiệu sản phẩm được đăng ký bảo hộ tại Cục sở hữu trí tuệ; cơ sở được công nhận nhãn hiệu, nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở.
- ◆ Hỗ trợ một lần 100% kinh phí thực hiện chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP, Organic, nhưng không quá 25 triệu đồng/mô hình.
- ◆ Hỗ trợ 100% kinh phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/sản phẩm để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông sản trên phương tiện thông tin đại chúng.
- ◆ Hỗ trợ 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 50 triệu đồng/tổ chức, cá nhân/01 năm.
- ◆ Hỗ trợ 100% kinh phí, trong vòng 02 năm, nhưng không quá 50 triệu đồng/tổ chức, cá nhân để thuê địa điểm bán sản phẩm trong nước áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt hoặc áp dụng các tiêu chuẩn tương tự, nông nghiệp hữu cơ.

Informations détaillées sur le paquet d'assistance :

- ◆ Subvention une fois unique de 100 % des coûts de mise en place d'un système de traçabilité des produits, sans dépasser 20 millions de VND par organisation ou particulier.
- ◆ Subvention une fois unique de 100 % des coûts de création d'une marque de produit, marques enregistrées pour protection auprès de l'Office de la propriété intellectuelle; les établissements reconnus pour leurs marques, mais pas plus de 100 millions de VND/établissement.
- ◆ One-time support of 100% of expenses for product certification under VietGAP, GlobalGAP, or Organic standards, not exceeding 25 million VND per model.
- ◆ Subvention une fois unique de 100 % des coûts de certification des produits répondant aux normes VietGAP, GlobalGAP et biologiques, sans toutefois dépasser 25 millions de VND/modèle.
- ◆ Soutenir 100% des coûts, mais pas plus de 30 millions de VND/produit, pour organiser des activités de propagande et de promotion des produits agricoles dans les médias de masse.
- ◆ Soutenir 50 % des coûts de participation aux foires et expositions nationales et étrangères approuvées par les autorités compétentes, sans toutefois dépasser 50 millions de VND/organisation ou individu/1 an.
- ◆ Soutenir 100% des coûts, dans un délai de 2 ans, mais pas plus de 50 millions de VND/organisation ou individu pour louer un emplacement pour vendre des produits dans le pays en appliquant de bons processus de production agricole ou en appliquant des normes similaires, agriculture biologique.



Phiên chợ nông sản, đặc sản vùng miền: Tuần lễ quảng bá na, nông đặc sản tỉnh Lạng Sơn 2024
Marché des produits agricoles et des spécialités régionales : Semaine de promotion de la pomme cannelle et des produits agricoles de spécialité de la province de Lang Son 2024



Khu trưng bày các sản phẩm tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam tại Hội chợ nông sản Quốc tế Marfrut 2024 tại Italia
Espace d'exposition des produits de la province de Lang Son, au Vietnam, au salon international agricole Marfrut 2024 en Italie



Phiên chợ nông sản, đặc sản vùng miền với chủ đề Tuần lễ quảng bá na, nông đặc sản và sản phẩm OCOF tỉnh Lạng Sơn năm 2023
Foire aux produits agricoles et aux spécialités régionales sur le thème de la Semaine de promotion de la pomme cannelle et des produits agricoles de la province de Lang Son 2023

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC, LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

Soutenir le développement de la coopération dans la production et la consommation de produits agricoles.

Các bên tham gia liên kết theo hình thức quy định tại Điều 4 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngoài được hưởng các chính sách quy định tại các điều 6, 7, 8, 9 tại Nghị quyết này được ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nội dung sau:

- ♦ Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án, bao gồm: Tư vấn lập hồ sơ dự án; tư vấn lập hồ sơ đề nghị hưởng hỗ trợ đầu tư; tư vấn lập hồ sơ xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.
- ♦ Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm nhưng không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của Hợp tác xã, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/sản phẩm.

Les parties participant à la coopération sous la forme prescrite à l'article 4 du décret n° 98/2018/ND-CP, outre le bénéfice des politiques prévues aux articles 6, 7, 8 et 9 de la présente résolution, bénéficient du soutien de l'État pour la mise en œuvre des éléments suivants :

- ♦ *Le président de la coopérative bénéficie d'une prise en charge à 100 % par le budget de l'État des frais de conseil liés à la création de l'association, dans la limite de 300 millions de VND par projet, incluant : Préparation des documents de projet ; préparation des documents de demande de soutien à l'investissement ; préparation des documents nécessaires à l'élaboration des contrats, des projets, des plans de production et d'affaires, et du développement du marché.*
- ♦ *Prise en charge à 100 % des coûts d'achat des emballages et des étiquettes de produits, mais pas plus de 3 récoltes ou 3 cycles de production et d'exploitation de produits via les services centralisés de la coopérative, le niveau de soutien ne dépassant pas 100 millions de VND/produit.*



100% CHI PHÍ/COÛT

Tư vấn Xây dựng Liên kết
Conseil en construction et en partenariat

Khai thác Sản phẩm
Exploitation des produits

300 Triệu đồng/dự án
300 millions VND / projet

100 Triệu đồng/sản phẩm
100 millions VND / produit



Hợp tác xã rau củ quả sạch Tân Liên - Gia Cát
Coopérative de légumes et de fruits propres Tan Lien - Gia Cat

HỖ TRỢ THÀNH LẬP MỚI VÀ ĐƯA TRÍ THỨC TRẺ VỀ LÀM VIỆC TẠI HỢP TÁC XÃ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

Soutenir la création de nouvelles coopératives et inciter les jeunes intellectuels à travailler dans le secteur agricole.

Thông tin chi tiết gói hỗ trợ:

- ◆ Hợp tác xã nông nghiệp thành lập mới được hỗ trợ 20 triệu đồng để xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, hồ sơ thành lập tổ chức hoạt động của Hợp tác xã và các hoạt động khác.

◆ Hỗ trợ đưa trí thức trẻ về làm việc có thời hạn tại hợp tác xã:

Mỗi hợp tác xã được hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí để thuê lao động là trí thức trẻ có trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên về làm việc tại hợp tác xã; Mức hỗ trợ hằng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/người tại địa bàn trí thức trẻ làm việc; Số lượng tối đa 02 lao động/01 hợp tác xã; Thời gian hỗ trợ tối đa 03 năm.

Điều kiện hỗ trợ:

- ◆ Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2023; Hàng năm được cơ quan có thẩm quyền đánh giá duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên.
- ◆ Lao động tuyển dụng theo Điểm a, Khoản 2, Điều này có trình độ cao đẳng trở lên, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực hoạt động và nhu cầu tuyển dụng của Hợp tác xã; có hợp đồng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Détails du forfait d'assistance :

- ◆ Les coopératives agricoles nouvellement créées bénéficient d'un soutien de 20 millions de VND pour l'élaboration de leurs statuts, de leurs plans de production et d'affaires, des documents nécessaires à l'organisation des coopératives et d'autres activités.

Encourager les jeunes intellectuels à travailler pendant une période déterminée au sein de la coopérative :

- ◆ Chaque coopérative bénéficie d'un soutien unique pour l'embauche de jeunes intellectuels titulaires d'un diplôme universitaire ou supérieur. Le montant de ce soutien mensuel est égal à 1,5 fois le salaire minimum régional par personne dans la zone de travail des jeunes intellectuels. Chaque coopérative peut accueillir jusqu'à deux travailleurs. La durée maximale d'aide financière est de trois ans.

Conditions de soutien :

- ◆ Les coopératives fonctionnent conformément à la loi sur les coopératives de 2023 ; elles sont évaluées annuellement par les autorités compétentes afin de maintenir des activités de production et commerciales régulières.
- ◆ Les travailleurs recrutés en vertu du point a, clause 2 du présent article doivent être titulaires d'un diplôme bac +2 ou supérieur, ayant une spécialisation appropriée au domaine d'activité et aux besoins de recrutement de la coopérative ; et un contrat de travail conforme aux dispositions du Code du travail.

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG NGOÀI HÀNG RÀO DỰ ÁN

Soutien à l'investissement dans les infrastructures hors du périmètre du projet

Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 10/12/2019 về Chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025. Nếu bên ngoài hàng rào dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước để phục vụ dự án thì được hỗ trợ bổ sung 70% chi phí, nhưng tối đa không quá mức hỗ trợ theo quy định sau:

Si en dehors du périmètre du projet, il n'existe pas de routes, de systèmes d'électricité, d'approvisionnement en eau et de systèmes de drainage pour desservir le projet, les investisseurs dont les projets dans l'agriculture et les zones rurales sont conformes aux dispositions de la résolution n° 08/2019/NQ-HĐND du 10 décembre 2019 relative aux politiques spécifiques visant à encourager l'investissement pour le développement de la coopération, des partenariats dans la production et la commercialisation des produits agricoles et ruraux sur le territoire de la province de Lạng Sơn pour la période 2020 - 2025. bénéficieront d'un soutien supplémentaire de 70% du coût, sans toutefois dépasser le niveau de subvention prévu comme suivant :



Tổng vốn đầu tư dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) Investissement total du projet (sans compter coûts d'indemnisation)	Mức hỗ trợ (tối đa) Subvention (maximum)
Từ 10 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng De 10 milliards de VND à moins de 30 milliards de VND	2,0 tỷ đồng 2 milliards de VND
Từ 30 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng De 30 milliards de VND à moins de 50 milliards de VND	3,0 tỷ đồng 3 milliards de VND
Từ 50 tỷ đồng trở lên À partir de plus de 50 milliards de VND	5,0 tỷ đồng 5 milliards de VND

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG, LÂM NGHIỆP

*Orientation Du Développement De L'agriculture
Et De La Foresterie*

Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa, có sức cạnh tranh cao, phát huy lợi thế đặc sản địa phương, gắn sản xuất nông nghiệp với du lịch. Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bền vững. Xây dựng cơ cấu, hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, có thương hiệu và uy tín, phát triển công nghiệp chế biến và chuỗi phân phối sản phẩm, kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.

Ưu tiên thúc đẩy phát triển một số chuỗi sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, đặc hữu, chất lượng cao theo chuỗi giá trị gồm: Na tại các khu vực Chi Lăng, Hữu Lũng; hồng tại các khu vực Cao Lộc, Văn Lãng; thạch đen tại các khu vực Bình Gia, Tràng Định, Văn Lãng; hồi tại các khu vực Văn Quan, Bình Gia, Tràng Định, Văn Lãng, Cao Lộc, Bắc Sơn; thông tại các khu vực Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập. Đến năm 2030 có từ 140 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

Nâng cao chất lượng rừng trồng, chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn, được liệu dưới tán rừng. Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và bảo vệ tốt rừng phòng hộ. Phát triển công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản ngoài gỗ, được liệu từ rừng và hình thành các cơ sở sản xuất, kinh doanh lâm sản ngoài gỗ, giống cây lâm nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hoá, tăng nhanh diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, từng bước phát triển thị trường tín chỉ Các-bon.

Theo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024)



Développer l'agriculture, la sylviculture et la pêche en vue d'une production de matières premières hautement compétitive, en valorisant les atouts locaux et en liant la production agricole et tourisme. Développer une agriculture écologique, biologique et circulaire, à faibles émissions de carbone, respectueuse de l'environnement, adaptable au changement climatique et durable. Mettre en place une structure d'organisation et de production rationnelles, avec une marque et une réputation établies, développer l'industrie de transformation et la chaîne de distribution des produits, et s'intégrer durablement à la chaîne de valeur agricole mondiale.

Prioriser le développement de filières agricoles typiques, de haute qualité en fonction de leur valeur ajoutée, notamment : La pomme cannelle dans les régions de Chi Lang et Huu Lung ; le kaki dans les régions de Cao Loc et Van Lang ; la gelée noire dans les régions de Binh Gia, Trang Dinh et Van Lang ; l'anis étoilé dans les régions de Van Quan, Binh Gia, Trang Dinh, Van Lang, Cao Loc et Bac Son ; et le pin dans les régions de Cao Loc, Loc Binh et Dinh Lap. D'ici 2030, de plus de 140 produits OCOP obtiendront une certification 3 étoiles.

Améliorer la qualité des forêts plantées, privilégier le développement de vastes plantations de bois d'œuvre et de plantes médicinales. Protéger rigoureusement les forêts à usage spécifique et conserver des forêts de protection. Développer l'industrie de transformation du bois, des produits forestiers et des plantes médicinales issues des forêts ; créer des structures de production et de commercialisation pour les produits forestiers. Promouvoir la sensibilisation, accroître rapidement la superficie des forêts certifiées pour une gestion durable, et développer progressivement le marché des crédits carbone.

(Conformément à la décision du Premier ministre approuvant le plan d'aménagement de la province de Lang Son pour la période 2021-2030, avec une vision à l'horizon 2050 (décision n° 236/QĐ-TTg du 19 mars 2024)



BIÊN TẬP VÀ PHÁT HÀNH/ ÉDITION ET PUBLICATION
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ ĐỐI NGOẠI/ CENTRE D'INFORMATION ET DE SERVICES D'AFFAIRES ÉTRANGÈRES

Website: <http://songv.langson.gov.vn/> | Email: Trungtamtttdvvnls@gmail.com | Điện thoại/ Tel: 02053 896.899

Chịu trách nhiệm xuất bản/ Chịu trách nhiệm nội dung:

Responsable de la publication/ Responsable du contenu:

Trịnh Tuyết Mai - Giám đốc Sở Ngoại vụ

Trinh Tuyet Mai - Directrice du Département des Affaires étrangères

Ban Biên tập/ Comité de rédaction:

1. Bà Trần Thị Vân Thuý, Trưởng Ban Biên tập; *Mme Tran Thi Van Thuy, Président du comité de rédaction;*
2. Ông Vũ Bằng Giang, Phó Trưởng Ban Biên tập; *M. Vu Bang Giang, Vice président du comité de rédaction Rédacteurs;*
3. Ông Lã Văn Việt, Thành viên; *M. La Van Viet, Membre;*
4. Bà Hoàng Thị Mai Thu, Thành viên; *Mme Hoang Thi Mai Thu, Membre;*
5. Bà Ông Hương Trang, Thành viên; *Mme Ong Huong Trang, Membre;*
6. Ông Hứa Văn Dương, Thành viên; *M. Hua Van Duong, Membre.*

Người thiết kế, sửa bản in, trình bày: Trần Thanh Tùng

Concepteur, correcteur, maquettiste: Tran Thanh Tung

Giấy phép xuất bản số 87/GP-SVHTTDL do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 17/12/2025.

In 300 cuốn khổ 21cm x 29,7 cm tại Công ty cổ phần In Quảng cáo Âu Việt -

Số 9, hẻm 209/20/45, đường An Dương Vương, phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội

In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2025

Sách không bán/ Livre non vendu